

Số: 326 /QĐ-UEF

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 7 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành chương trình đào tạo trình độ cao đẳng
ngành Tiếng Anh

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ - TÀI CHÍNH THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Điều lệ trường đại học;

Căn cứ Quyết định số 1272/QĐ-TTg ngày 24 tháng 09 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Kinh tế - Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh;

Xét đề nghị Trường Phòng Đào tạo – Khảo thí,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành chương trình đào tạo ngành Tiếng Anh, trình độ cao đẳng, áp dụng cho K2016 Trường Đại học Kinh tế - Tài chính Tp.Hồ Chí Minh.

Điều 2. Trường Phòng Đào tạo – Khảo thí, Trường các đơn vị chức năng trực thuộc Trường Đại học Kinh tế - Tài chính thành phố Hồ Chí Minh chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Nơi nhận:

- Công bố trên trang thông tin điện tử;
- Như Điều 2 (để th/h);
- Lưu: P.TC- HC,PĐT-KT.

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Thanh Giang

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

(Ban hành kèm theo Quyết định số 30/QĐ-UEF ngày 17/12/2016
của Hiệu trưởng Trường đại học Kinh tế - Tài chính TP.HCM)

Tên chương trình: *Cử nhân ngành Tiếng Anh*
Trình độ đào tạo: *Cao đẳng*
Ngành đào tạo: *Tiếng Anh*
Mã ngành: *C220201*

I. Mục tiêu đào tạo

Chương trình được thiết kế nhằm đào tạo cử nhân cao đẳng tiếng Anh có kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp, phẩm chất chính trị, đạo đức, tác phong nghề nghiệp và sức khỏe tốt để làm việc có hiệu quả trong lĩnh vực phiên dịch và biên dịch tiếng Anh, đáp ứng được yêu cầu của cơ quan, doanh nghiệp trong quan hệ, giao dịch kinh tế với nước ngoài và các cơ quan đại diện, cơ sở sản xuất của nước ngoài tại Việt nam.

II. Chuẩn đầu ra

1. Kiến thức

- Nắm vững các kỹ năng ngôn ngữ và có kiến thức nền tảng về văn hóa, văn minh của các nước nói tiếng Anh; đủ năng lực để giao tiếp thành công trong môi trường làm việc quốc tế.
- Có các kiến thức bổ trợ căn bản về quản trị học, quan hệ quốc tế, du lịch - khách sạn, tài chính - ngân hàng, sẵn sàng đảm nhận nhiều công việc khác nhau.

2. Kỹ năng

- Kỹ năng giao tiếp tiếng Anh (Nghe- Nói- Đọc- Viết) đạt bậc 4 trong Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc của Việt Nam (trình độ B2 theo CEFR).
- Kỹ năng sử dụng một ngoại ngữ thứ hai thuộc khu vực châu Á (tiếng Nhật, tiếng Hàn, hoặc tiếng Trung) đạt bậc 2 trong khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc của Việt Nam.
- Kỹ năng cần thiết cho công việc của sinh viên sau khi tốt nghiệp (kỹ năng mềm): kỹ năng trình bày, kỹ năng phân tích vấn đề, kỹ năng tổ chức, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng tư duy phản biện có phán đoán.
- Kỹ năng tin học tương đương trình độ A, sử dụng tốt các phần mềm văn phòng (Word, Excel) và các phần mềm chuyên ngành phục vụ cho công việc chuyên môn sau này (ví dụ: phần mềm thống kê chuyên dụng SPSS).



3. Thái độ

- Có trách nhiệm công dân, có ý thức cộng đồng, sống và làm việc theo pháp luật.
- Có đạo đức nghề nghiệp, có tinh thần cầu tiến và ý thức tổ chức kỷ luật, có thái độ hợp tác, chia sẻ, nhiệt tình và chuyên nghiệp trong công việc.
- Có tinh thần sẵn sàng hòa nhập vào môi trường làm việc quốc tế, sẵn sàng tiếp thu có chọn lọc tinh hoa của các nền văn hóa sử dụng ngôn ngữ Anh, cũng như giữ gìn và giới thiệu với bạn bè quốc tế nền văn hóa đậm đà bản sắc dân tộc Việt Nam.
- Tinh thần làm việc hợp tác.
- Tích cực tham gia, sẵn sàng làm việc trong môi trường áp lực cao.
- Cầu tiến, thiện ý học hỏi.

4. Vị trí công việc có khả năng đảm nhận: trong nhiều lĩnh vực đa dạng như du lịch, khách sạn, đối ngoại, xuất nhập khẩu, ngân hàng.

- Chuyên viên văn phòng và quan hệ công chúng trong các tổ chức, các công ty nước ngoài hay liên doanh với nước ngoài, các tổ chức, cơ quan có sử dụng tiếng Anh trong giao dịch, kinh doanh.
- Giảng dạy tại các trường TPHT, THCS, TCCN, dạy nghề,...sau khi được bồi dưỡng thêm về nghiệp vụ sư phạm.
- Có khả năng và trình độ để tiếp tục học tập, nghiên cứu ở các bậc học cao hơn hoặc các khoá bồi dưỡng chuyên ngành...

5. Chuẩn đầu ra tin học:

Để được công nhận tốt nghiệp, sinh viên cần trình chứng chỉ B tin học (do trường ĐH Kinh tế - Tài chính cấp)

III. Thời gian đào tạo:

Thời gian đào tạo trung bình là 3 năm.

Thời gian đào tạo tối đa được thực hiện theo quy chế đào tạo.

IV. Khối lượng kiến thức toàn khóa:

Khối lượng kiến thức toàn khoá là **106 tín chỉ** (chưa bao gồm Tiếng Nhật, Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng).

V. Đối tượng tuyển sinh:


Theo Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính qui của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

VI. Chương trình đào tạo:

STT	Mã MH	Tên học phần	Số tín chỉ				Mã môn học trước
			Tổng	LT	TH/TT	ĐA MH	
I.KIẾN THỨC ĐẠI CƯƠNG							
I.1. Khoa học			9				
I.1.01	SOS1101	Cơ sở văn hóa VN	3	3			
I.1.02	SOC1101	Xã hội học	3	3			
I.1.03	MGT1101	Quản trị học	3	3			
I.2. Ngoại ngữ			9				
I.2.01	JPN1101	Tiếng Nhật 1	3	3			
I.2.02	JPN1102	Tiếng Nhật 2	3	3		JPN1101	
I.2.03	JPN1103	Tiếng Nhật 3	3	3		JPN1102	
I.3. Tin học			3				
I.3.01	ITE1201	Tin học đại cương	3	2	1		
I.4. Luật			3				
I.4.01	LAW1101	Pháp luật đại cương	3	3			
I.5. Chính trị			10				
I.5.01	POL1101	Những nguyên lý cơ bản CN Mac-Lênin 1	2	2			
I.5.02	POL1102	Những nguyên lý cơ bản CN Mac-Lênin 2	3	3			
I.5.03	POL1103	Đường lối cách mạng của Đảng CSVN	3	3			
I.5.04	POL1104	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2			
I.6. Kỹ năng			6				
I.6.01	SKI1101	Kỹ năng giao tiếp, thuyết trình và làm việc nhóm	3	3			
I.6.02	SKI1102	Kỹ năng tư duy phản biện, giải quyết vấn đề và quản lý thời gian	3	3			
TỔNG KHỐI GDĐC			40				
II.KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH							
II.1. Kiến thức bắt buộc			69				
II.1.01	ENG1109	English Enhancement Program 1 (EEP 1)	3	3			
II.1.02	ENG1110	English Enhancement Program 2 (EEP 2)	3	3			
II.1.03	ENG1111	English Enhancement Program 3 (EEP 3)	3	3			
II.1.04	LIN1101	Ngữ âm học (Phonetics)	3	3			
II.1.05	ENC1101	Ngữ pháp 1 (Grammar 1)	3	3			
II.1.06	ENC1105	Ngữ pháp 2 (Grammar 2)	3	3		ENC1101	
II.1.07	ENC1102	Nghe - nói kinh thương 1 (Business Listening -Speaking 1)	3	3			
II.1.08	ENC1107	Nghe - nói kinh thương 2 (Business Listening -Speaking 2)	3	3		ENC1102	
II.1.09	LIN1106	Nói trước công chúng (Public Speaking)	3	3			
II.1.10	ENC1104	Đọc 1 (Reading 1)	3	3			
II.1.11	ENC1106	Đọc 2 (Reading 2)	3	3			



II.1.12	ENC1103	Đọc tiếng Anh giao dịch kinh thương (Business Reading)	3	3			
II.1.13	ENC1108	Viết 1 (Writing 1)	3	3			
II.1.14	ENC1109	Viết 2 (Writing 2)	3	3			ENC1108
II.1.15	ENC1110	Viết tiếng Anh kinh thương (Business Writing)	3	3			
II.1.16	TRA1101	Dịch 1 (Translation 1)	3	3			
II.1.17	TRA1102	Dịch 2 (Translation 2)	3	3			TRA1101
II.1.18	SOS1102	Văn hóa Anh - Mỹ (British and American Cultures)	3	3			
II.1.19	LIT1101	Văn học Anh - Mỹ (British and American Literatures)	3	3			
II.1.20	LIN1102	Ngôn ngữ học đại cương (Intro to Linguistics)	3	3			
II.1.21	LIN1109	Ngôn ngữ và xã hội (Language and Society)	3	3			
II.1.22	ENC1311	Thực tập tốt nghiệp	6			6	
II.2 Kiến thức tự chọn			6				
<i>Sinh viên chọn 1 trong các nhóm dưới đây</i>							
II.2.1		Nhóm 1					
II.2.1.01	TRA1103	Lý thuyết dịch (Theory of Translation)	3	3			
II.2.1.02	LIN1104	Dịch thuật, ngôn ngữ và văn hóa (Translation, Linguistics and Culture)	3	3			
II.2.2		Nhóm 2					
II.2.2.01	MKT1101	Marketing căn bản	3	3			
II.2.2.02	MGT1110	Quản trị nguồn nhân lực (Human Resources Management)	3	3			
TỔNG KHỐI GDCN			75				
III. KIẾN THỨC KHÔNG TÍCH LŨY			11				
III.01	GYM	Giáo dục thể chất	3			3	
III.02	MIL	Giáo dục quốc phòng	8	5		3	



TS. Nguyễn Thanh Giang

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH TIẾNG ANH

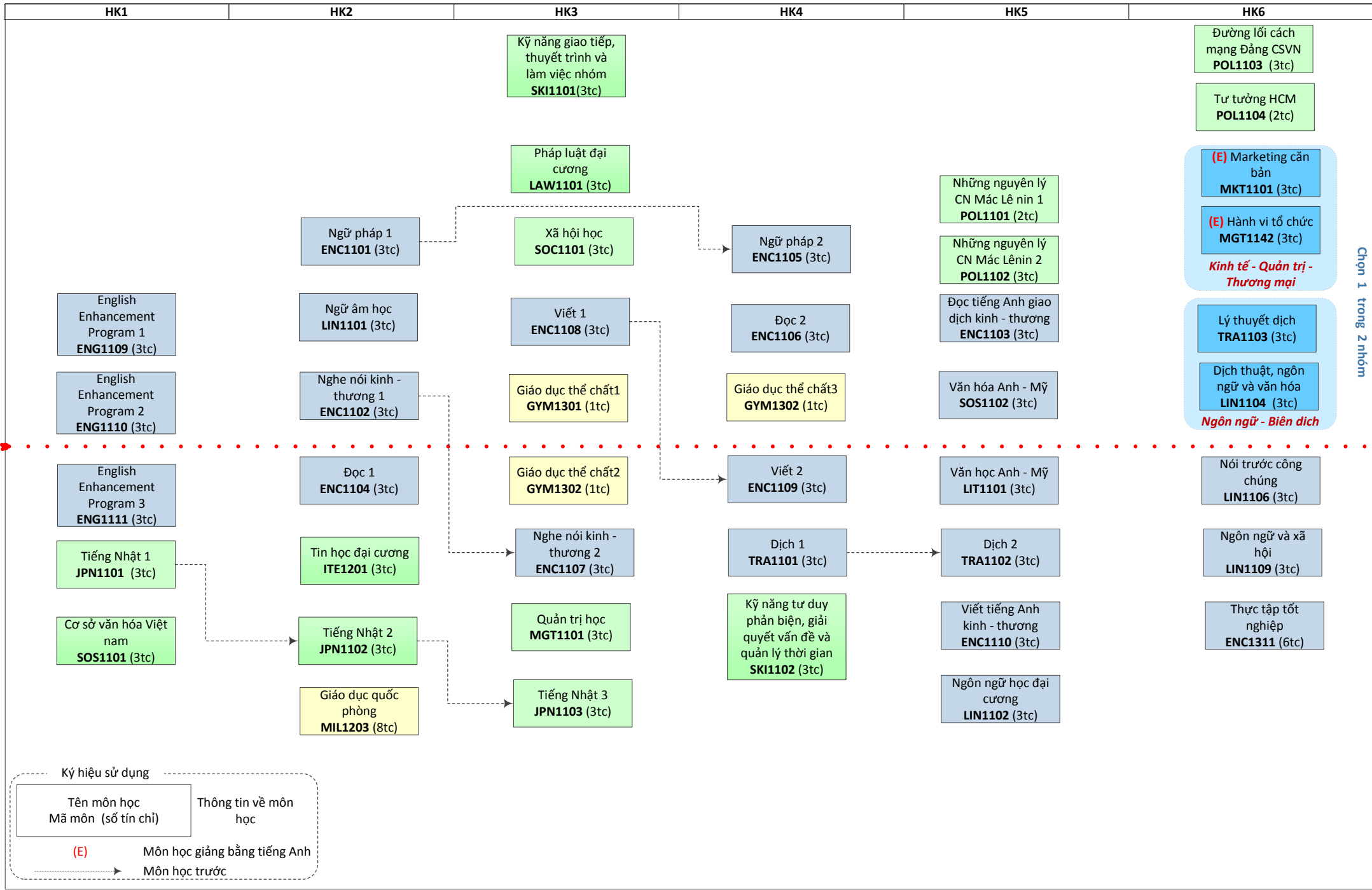
TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG - KHÓA 2016

Không tham gia tính điểm trung bình

Đại cương

Ngành

Chuyên ngành (Tự chọn)



Chọn 1 trong 2 nhóm

Đợt A
Đợt B

Ký hiệu sử dụng

Tên môn học
Mã môn (số tín chỉ)

Thông tin về môn học

(E) Môn học giảng bằng tiếng Anh

→ Môn học trước